

# Excuse me or Sorry

## Phân biệt Excuse me và Sorry



*“excuse me” và “sorry” đều có nghĩa là xin lỗi nhưng excuse me trong tiếng anh nói bày tỏ một sự hối lỗi theo phép lịch sự còn sorry chỉ tâm trạng xấu hổ, không vui về việc mình làm, thể hiện thái độ thông cảm với người khác vì những việc tồi tệ xảy ra với họ.*

### Excuse me

*excuse me Cách để phân biệt “excuse me” và “sorry”*

- Dùng để thu hút sự chú ý của ai đó

Ví dụ:

– Excuse me, do you know what time it is? **Xin lỗi, anh có biết mấy giờ rồi không?**

- Dùng để bày tỏ sự hối lỗi/lấy làm tiếc khi vô tình gây ra việc gì.

Ví dụ:

– Did I take your seat? Do excuse me. (**Tôi đã chiếm chỗ ngồi của anh sao? Ồ, thành thật xin lỗi**).

- Dùng để bày tỏ sự lấy làm tiếc khi phải ngắt lời ai đó.

Ví dụ:

– Excuse me, but there’s a phone call for you. (**Xin lỗi, nhưng anh có điện thoại**).

**Dùng để lịch sự yêu cầu ai tránh sang một bên để bạn có thể vượt qua họ.**

Ví dụ:

– Excuse me, can I just get past? (**Xin lỗi, cho tôi qua với?**)

- Dùng khi lịch sự nói với ai đó rằng bạn sẽ phải rời đi.

Ví dụ:

– Excuse me for a moment – I have to make a phone call. (**Xin lỗi một lát – tôi phải gọi một cuộc điện thoại**).

- Từ này cũng được dùng để bày tỏ sự không đồng tình với ai đó một cách lịch sự.

Ví dụ:

– Excuse me, but I never said I’d pay for everything. (**Xin lỗi, nhưng tôi chưa từng nói là tôi sẽ chi trả cho mọi thứ**).

- **Trong tiếng Anh của người Mỹ, Excuse me còn được dùng khi muốn yêu cầu ai đó lặp lại điều gì đó.**

Ví dụ:

– “How old are you?” “Excuse me?” (“Anh bao nhiêu tuổi rồi” “Xin lỗi, anh nói gì cơ?”)

Sorry

- **sorry Cách để phân biệt “excuse me” và “sorry”**
- **Từ này chỉ tâm trạng ai đó thấy xấu hổ, không vui vì việc mà mình đã làm.**

Ví dụ:

– I’m sorry I behaved in such a childish way. (**Anh xin lỗi vì đã hành xử như con nít như thế**).

– I’m just sorry about all the trouble I’ve caused her. (**Tôi chỉ thấy hối lỗi vì tất cả những rắc rối mà tôi đã gây ra cho cô ấy thôi mà**).

- **Dùng để bày tỏ thái độ buồn, thông cảm với ai đó vì những việc tồi tệ xảy ra với họ.**

Ví dụ:

– I’m sorry about your losing your job. (**Tôi rất tiếc về chuyện bạn bị mất việc**).

- **Bày tỏ nỗi thất vọng về một tình huống nào đó và thể hiện mong muốn có thể thay đổi được nó.**

Ví dụ:

– We're sorry you weren't happy with our service. (**Chúng tôi rất tiếc vì anh/chị không thấy hài lòng về dịch vụ của chúng tôi**).

---

*Excuse me: làm ai chú ý, bày tỏ sự hối lỗi khi vô tình gây ra việc gì, lịch sự yêu cầu ai tránh đường hay lịch sự thể hiện sự không đồng tình. Còn Sorry dùng để bày tỏ thái độ buồn, thông cảm với ai đó vì những việc tồi tệ xảy ra với họ. Bây giờ bạn đã có thể phân biệt được cách dùng của excuse me và sorry rồi phải không?*

*Chúc các bạn thành công*